

## Nội dung ôn tập học kì 2 – Phân môn Địa 7

### ND1: Vị trí địa lí, hình dạng, kích thước châu Mĩ:

- Diện tích 42 triệu Km<sup>2</sup>, lớn thứ 2 trên thế giới, sau châu Á.
- Lãnh thổ: Nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây, kéo dài từ vùng cực Bắc đến tận vùng cực Nam.
- Giáp: Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương, Thái Bình Dương.

### ND2: Bắc Mĩ

#### 1. Đặc điểm tự nhiên Bắc Mĩ

##### a. Địa hình

Khu vực	Miền núi Coóc-đi-e	Miền đồng bằng	Dãy A-pa-lát
Vị trí	Phía tây	Ở giữa	Phía đông
Đặc điểm	Cao trung bình 3000 - 4000 m, gồm nhiều dãy song song, hướng bắc nam, xen kẽ các cao nguyên, thung lũng	200 - 500 m, thấp dần từ bắc xuống nam	Độ cao ở phần bắc từ 400 - 500 m. Phần nam cao 1000 - 1500 m. Hướng đông bắc - tây nam

##### b. Khí hậu

- Phân hóa đa dạng theo chiều: bắc – nam, đông – tây, theo độ cao
- Từ Bắc -> Nam: Gồm các đới khí hậu cực và cận cực, ôn đới, cận nhiệt và nhiệt đới
- Từ Đông -> Tây: Khu vực ven biển có khí hậu điều hòa, mưa nhiều. Càng vào sâu trong lục địa: ngược lại.
- Theo độ cao: thể hiện rõ nhất trên hệ thống Cooc-đi-e

##### c. Sông, hồ

- Sông: Mạng lưới sông ngòi dày đặc, chế độ nước sông đa dạng, các sông lớn: Mít-xu-ri, Mi-xi-xi-pi, sông Mac-ken-di, ...
- Hồ: Đứng đầu thế giới với số lượng hồ diện tích lớn, một số hồ tiêu biểu: Ngũ Hồ, hồ Gấu Lớn, ...

#### 2. Đặc điểm dân cư xã hội Bắc Mĩ

##### a. Vấn đề nhập cư và chủng tộc

- Trước chiến tranh TG thứ 2, chủ yếu người nhập cư có nguồn gốc từ châu Âu và châu Phi
- Sau chiến tranh TG thứ 2, chủ yếu người nhập cư có nguồn gốc từ châu Á, Trung và Nam Mĩ.
- Trong quá trình chung sống, các chủng tộc hoà huyết hình thành các nhóm người lai.

##### b. Vấn đề đô thị hóa

- Do sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp đã thúc đẩy quá trình đô thị hoá ở Bắc Mĩ.
- Đây là khu vực có tỉ lệ dân đô thị gần 83% (năm 2020) cao hơn so với châu Phi, châu Á, châu Âu.
- Các đô thị lớn cũng đồng thời là các trung tâm kinh tế lớn.
- Các đô thị lớn chủ yếu tập trung ở phía nam hệ thống Ngũ Hồ và ven Đại Tây Dương. Vào sâu trong nội địa, các đô thị nhỏ hơn và thưa thớt hơn.

## **ND3: Nam Mĩ**

### **1. Đặc điểm tự nhiên Nam Mĩ**

#### **a. Địa hình**

<b>Khu vực</b>	<b>Dãy An-đet</b>	<b>Miền đồng bằng</b>	<b>Sơn nguyên</b>
<b>Vị trí</b>	Phía tây	Ở giữa	Phía đông
<b>Đặc điểm</b>	Cao trung bình 3000 - 5000 m, gồm nhiều dãy song song, hướng bắc nam, xen kẽ các cao nguyên, thung lũng	Gồm đồng bằng la-nốt, A-ma-dôn, Pam-pa và La Pla-ta	Gồm Sơn nguyên Bra-xin và sơn nguyên Guy-a-na

#### **b. Khí hậu**

##### **\* Phân hóa tự nhiên theo chiều bắc – nam**

<b>Đới khí hậu</b>	<b>Khí hậu</b>	<b>Cảnh quan</b>
<b>Xích đạo</b>	Nóng ẩm quanh năm.	Rừng mưa nhiệt đới phát triển trên diện rộng
<b>Cận xích đạo</b>	Một năm có hai mùa rõ rệt.	Rừng thưa nhiệt đới.
<b>Nhiệt đới</b>	Nóng, lượng mưa giảm dần từ đông sang tây.	Cảnh quan thay đổi từ rừng nhiệt đới ẩm đến xa van, cây bụi và hoang mạc.
<b>Cận nhiệt</b>	Mùa hạ nóng, mùa đông ấm..	Rừng cận nhiệt và thảo nguyên rừng (nơi mưa nhiều); bán hoang mạc và hoang mạc (nơi mưa ít).
<b>Ôn đới</b>	Mát mẻ quanh năm	Rừng hỗn hợp và bán hoang mạc.

### **2. Đặc điểm dân cư xã hội Nam Mĩ**

#### **a. Nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ**

- Các luồng nhập cư vào Trung và Nam Mỹ:
    - + Từ châu Á: Chủng tộc Môn-gô-lô-it cổ.
    - + Từ châu Âu: Người Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha
    - + Từ châu Phi: Chủng tộc Nê-grô-it.
- => Thành phần chủng tộc của Trung và Nam Mỹ rất đa dạng.

#### **b. Vấn đề đô thị hóa**

- Tốc độ đô thị hoá nhanh nhất thế giới. Tỷ lệ dân đô thị chiếm khoảng 80% số dân năm 2020.
- Ở một số nơi, quá trình đô thị hoá mang tính tự phát đã làm nảy sinh nhiều vấn đề như thất nghiệp, ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội, tội phạm, ...
- Các đô thị trên 10 triệu dân trên bản đồ: Mê-hi-cô Xi-ti, Xao Pao-lô, Bu ê nốt Ai-rét, Ri-Ô đê Gia-nê-rô, Li-ma, Bô-gô-ta.

## **ND 3: Châu Đại Dương**

### **1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ**

- Châu Đại Dương gồm 2 bộ phận:
  - + Lục địa Ô-xtrây-li-a
  - + 4 nhóm đảo: Mê-la-nê-di, Mi-crô-nê-di, Pô-li-nê-di, Niu Di-len
- Phần lớn châu Đại Dương nằm ở bán cầu Nam.

## 2. Đặc điểm tự nhiên của châu Đại Dương

### a. Địa hình:

- Lục địa Ô-xtrây-li-a: tương đối bằng phẳng.

+ Phía tây: cao nguyên

+ Trung tâm: đồng bằng

+ Phía đông: vùng núi

- 4 nhóm đảo: Niu Di-len có nguồn gốc lục địa, 3 nhóm còn lại có nguồn gốc từ san hô, núi lửa

**b. Khoáng sản:** nhiều loại có giá trị như: sắt, đồng, vàng, than đá, dầu mỏ...

### c. Khí hậu:

-Phần lớn lục địa Ô-xtrây-li-a có khí hậu khô hạn, riêng ven biển phía đông có mưa nhiều do tác động của dòng biển nóng.

-Trên các đảo khí hậu mát mẻ, mưa nhiều quanh năm.

**d. Sinh vật:** đa dạng và độc đáo

-Thực vật: chủ yếu là bạch đàn.

-Động vật: thú mỏ vịt, gấu túi, chuột túi,...

## 3. Đặc điểm dân cư

-Quy mô dân số không quá lớn, tỷ suất gia tăng tự nhiên ở mức thấp.

-Cơ cấu dân số già. Cơ cấu giới tính có sự chênh lệch (100 nữ thì có 98 nam, năm 2020)

-Mật độ dân số thấp (3 người/km<sup>2</sup>)

-Dân cư phân bố không đều

+Nơi đông dân: ven biển phía đông

+Nơi thưa dân: trung tâm lục địa

## ND 4: Châu Nam Cực

### 1. Vị trí địa lí:

-Châu Nam Cực gồm lục địa Nam Cực và các đảo, quần đảo ven lục địa.

-Phần lớn lãnh thổ nằm trong phạm vi vòng cực Nam.

-Bao bọc xung quanh bởi các biển và đại dương

### 2. Đặc điểm tự nhiên

**a. Địa hình:** là một cao nguyên băng khổng lồ, trung tâm cao, càng đi ra rìa càng thấp.

**b. Khí hậu:**

-Nhiệt độ quanh năm không vượt quá 0<sup>0</sup>C, càng vào sâu lục địa nhiệt độ càng giảm.

-Mưa rất ít chủ yếu dưới dạng tuyết rơi. Là nơi có nhiều gió bão nhất thế giới

**c. Sinh vật:** chỉ tồn tại được ở ven lục địa

+Thực vật: rêu, địa y, tảo, nấm,...

+Động vật: Chim cánh cụt, hải cẩu, hải báo, cá voi xanh

**d. Khoáng sản:** than đá, sắt, dầu mỏ, khí đốt,...

## Nội dung ôn tập học kì 2 – Phân môn Sử 7

### NỘI DUNG 1: CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC THỜI LÝ (1009 – 1225)

#### 1. Sự thành lập nhà Lý

- Năm 1009, nhà Lý thành lập
- Năm 1010, vua Lý Thái Tổ dời đô về Đại La (Hà Nội ngày nay) và đổi tên là Thăng Long

#### 2. Tình hình chính trị

- Năm 1042, nhà Lý ban hành bộ luật Hình thư, luật thành văn đầu tiên của Việt Nam
- Năm 1054, vua Lý Thánh Tông đổi tên nước là Đại Việt
- Quân đội: gồm cấm quân và quân địa phương; tổ chức theo chính sách “ngụ binh ư nông”

#### 3. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075- 1077)

- Thời gian: 1075 – 1077
- Lãnh đạo: Lý Thường Kiệt
- Những nét độc đáo trong cách đánh giặc:
  - + Chủ động tiến công để phòng vệ
  - + Xây phòng tuyến chống giặc ở bờ nam sông Như Nguyệt
  - + Chủ động kết thúc chiến tranh bằng biện pháp giảng hoà

#### 4. Những thành tựu tiêu biểu về văn hóa – giáo dục

- **Giáo dục:** được chú trọng phát triển:
  - + Năm 1070, xây dựng Văn Miếu
  - + Năm 1075, mở khoa thi đầu tiên
  - + Năm 1076, mở trường Quốc tử giám để dạy học cho con em quý tộc, quan lại
- **Văn học:** văn học chữ Hán bước đầu phát triển
- **Tôn giáo:** Phật giáo được tôn sùng; Nho giáo bước đầu có vai trò; Đạo giáo thịnh hành, kết hợp tín ngưỡng dân gian.
- **Nghệ thuật:** nhiều công trình nổi tiếng: chùa Một Cột, tháp Báo Thiên, ... Nghệ thuật điêu khắc đa dạng, độc đáo, tinh tế (tượng Phật, hình rồng)

### NỘI DUNG 2: CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC THỜI TRẦN (1226 – 1400)

#### 1. Nhà Trần thành lập

- Cuối thế kỉ XII, nhà Lý suy yếu nên phải dựa vào thế lực họ Trần để duy trì quyền lực
  - Năm 1224, Lý Chiêu Hoàng lên ngôi vua
  - Năm 1226, Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh
- nhà Trần thành lập

#### 2. Tình hình chính trị:

- Đứng đầu nhà nước trung ương tập quyền là vua.
- Các vua Trần nhường ngôi sớm cho con, xưng Thái thượng hoàng, cùng vua con cai trị đất nước
- Các đại thần văn, võ đều do người trong hoàng tộc nắm giữ.
- Hệ thống chính quyền các cấp được tổ chức chặt chẽ và hoàn thiện hơn thời Lý
- Pháp luật: nhà Trần ban hành bộ luật Quốc triều hình luật
- Quân đội: gồm 5 thứ quân, xây dựng và phát triển theo chủ trương "binh lính cốt tinh nhuệ, không cốt đông". Chính sách "Ngụ binh ư nông" tiếp tục được thực hiện

### 3. Tình hình kinh tế

- Nông nghiệp: nhà Trần khuyến khích khai khẩn đất hoang; chú trọng thủy lợi; đặt chức quan chuyên lo nông nghiệp

- Thủ công nghiệp: Thăng Long là trung tâm sản xuất và buôn bán lớn nhất nước có 61 phường

- Thương nghiệp:

+ Buôn bán với nước ngoài được đẩy mạnh qua các cảng Vân Đồn (Quảng Ninh), Hội Thống (Hà Tĩnh), Hội Triều (Thanh Hoá)

+ Gốm sứ là mặt hàng xuất khẩu quan trọng

### 4. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên

Cuộc kháng chiến	Kế hoạch kháng chiến của nhà Trần	Những chiến thắng tiêu biểu
<b>Cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258</b>	- Trước thế giặc mạnh, lui quân để bảo toàn lực lượng - Thực hiện "vườn không nhà trống" - Giặc suy yếu → quân ta phản công	Đông Bộ Đầu Quy Hóa
<b>Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285</b>	- Trước thế giặc mạnh, lui quân để bảo toàn lực lượng - Thực hiện "vườn không nhà trống" - Chủ động phá thế gọng kìm của giặc - Giặc suy yếu → quân ta phản công	Tây Kết Hàm Tử Chương Dương
<b>Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1287 - 1288</b>	- Trước thế giặc mạnh, lui quân để bảo toàn lực lượng - Thực hiện "vườn không nhà trống" - Tiêu diệt đoàn thuyền chở lương thực của giặc - Giặc suy yếu → nhà Trần tổ chức phản công	Vân Đồn Bạch Đằng

## NỘI DUNG 3: KHỞI NGHĨA LAM SƠN (1418 – 1427)

### 1. Một số sự kiện tiêu biểu:

- Đầu năm 1418, Lê Lợi xưng Bình Định Vương, dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn (Thanh Hoá).

- Giai đoạn 1418 - 1423: nghĩa quân gặp nhiều khó khăn, 3 lần phải rút quân lên núi Chí Linh

- Giai đoạn 1424 - 1425: mở rộng địa bàn hoạt động và giành những thắng lợi đầu tiên – giải phóng 1 vùng từ Thanh Hoá đến đèo Hải Vân

- Giai đoạn 1426 - 1427: giai đoạn phản công, với những thắng lợi quan trọng: chiến thắng Tốt Động – Chúc Động, chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang

### 2. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử:

a. Nguyên nhân thắng lợi:

- Tinh thần yêu nước và đoàn kết của cả dân tộc.

- Đường lối chiến lược, chiến thuật đúng đắn của những người lãnh đạo khởi nghĩa

b. Ý nghĩa lịch sử:

- Lật đổ ách thống trị tàn bạo của nhà Minh, giải phóng đất nước.

- Mở ra thời kì phát triển mới của quốc gia Đại Việt – thời Lê sơ

**3. Một số vị anh hùng tiêu biểu trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn:** Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Lai, Nguyễn Chích, ...

Nhân vật Nguyễn Trãi: Ông là người yêu nước, thương dân, luôn đề cao tư tưởng nhân nghĩa. Là vị anh hùng giải phóng dân tộc, có nhiều đóng góp trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn; và là danh nhân văn hoá thế giới, để lại nhiều tác phẩm giá trị: Bình Ngô đại cáo, Dư địa chí, ....

## **NỘI DUNG 4: ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (1428 – 1527)**

### **1. Chính trị:**

- Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, khôi phục quốc hiệu Đại Việt và đóng đô ở Đông Kinh (Thăng Long).

- Bộ máy nhà nước hoàn chỉnh nhất dưới thời vua Lê Thánh Tông. Hoàng đế trực tiếp nắm mọi quyền hành, kể cả chức Tổng chỉ huy quân đội

- Ban hành bộ Quốc triều hình luật (còn gọi là luật Hồng Đức).

### **2. Kinh tế:**

\* *Nông nghiệp:* thi hành nhiều biện pháp để phục hồi và phát triển sản xuất, đặc biệt là chính sách quân điền - chia ruộng đất công làng xã

\* *Thủ công nghiệp:*

- Đông Kinh (Thăng Long) trở thành trung tâm kinh tế sầm uất với 36 phố phường.

- Hình thành các làng nghề chuyên nghiệp: làng gốm Chu Đậu (Hải Dương), làng đồ sắt Vân Chàng (Nam Định)...

- Lập Cục bách tác: đúc tiền, đúc vũ khí, may mũ áo cho vua quan ...

\* *Thương nghiệp:*

- Quy định chặt chẽ việc thu thuế chợ, thúc đẩy buôn bán trong nước

- Giao thương với nước ngoài tập nập; các sản phẩm sành sứ, vải lụa, lâm sản quý được ưa chuộng.

### **3. Văn hoá - giáo dục:**

\* Giáo dục: Dựng lại Quốc Tử giám, tổ chức đều đặn các khoa thi, lập bia Tiến sĩ để tôn vinh những người đỗ đạt.

\* Nho giáo: chiếm vị trí độc tôn. Phật giáo và Đạo giáo bị hạn chế.

\* Văn học chữ Hán: Bình Ngô đại cáo (Nguyễn Trãi), .....

\* Văn học chữ Nôm: Hồng Đức quốc âm thi tập (vua Lê Thánh Tông), ...

\* Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc: tập trung chủ yếu ở công trình lăng tẩm, cung điện, nổi bật với điêu khắc trên đá.

- Nghệ thuật sân khấu: nhã nhạc cung đình chính thức ra đời; chèo, tuồng rất phát triển.

### **4. Tìm hiểu thêm: câu nói: "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia"**

- Được ghi trên bia Tiến sĩ đầu tiên khoa Nhâm Tuất (năm 1442) ở Văn Miếu vào thời Lê sơ

- Ý nghĩa: Hiền tài là trụ cột của đất nước, là phần cốt lõi tạo nên sự sống còn và phát triển của đất nước. Quốc gia có nhiều hiền tài và biết sử dụng hiền tài thì sẽ phát triển vững mạnh.

**- CHÚC CÁC EM HỌC TỐT -**